

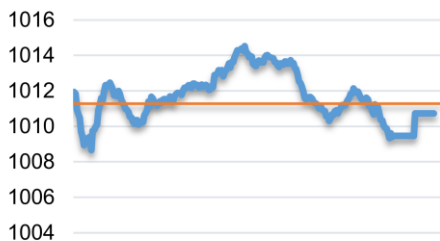
Market Today: Thị trường tiếp tục có sự phân hóa

25/09/2018

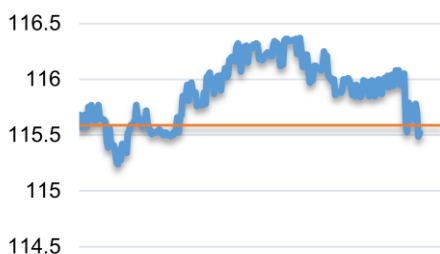
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	1,010.74	115.52	53.99
% ngày	(0.05)	(0.06)	0.60
% tuần	1.74	1.69	3.87
% tháng	2.40	3.50	4.65
% năm	25.47	7.63	(0.80)
<b>GTGD (Tỷ đồng)</b>			
Trong ngày	3,706	598	360
Hôm qua	7,664	954	564
TB 1 tháng	3,763	614	252
<b>Khối ngoại (Tỷ đồng)</b>			
Mua	336.37	6.15	34.86
Bán	254.00	30.62	19.50
Giá trị ròng	82.37	(24.47)	15.36
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	154	86	80
Mã Giảm	110	68	77
Không Đổi	89	230	577
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	18.2x	11x	10.1x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,233	203	903
LS Cổ tức	2.07	2.34	4.35

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

**VNINDEX**



**HNX INDEX**



**DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG**

Thị trường Châu Á lại tiếp tục có sự phân hóa giữa các thị trường, tiêu biểu là tại thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Ấn Độ... đều có phiên tăng điểm khá tốt. Trong khi đó tại thị trường Trung Quốc, Hong Kong, Việt Nam lại có phiên điều chỉnh nhẹ.

Trong cuối phiên chiều chỉ số VN-Index chịu áp lực bán nên đã chuyển đỏ và trong phiên ATC dòng tiền lại chảy vào nhưng không đủ mạnh để đẩy chỉ số đóng cửa trên mức tham chiếu. Chỉ số VN-Index chốt tại mức 1,010.7 điểm và giảm nhẹ 0.05%. Chỉ số HNX-Index cũng chịu áp lực bán tương tự và cuối phiên giảm 0.06%. Thanh khoản của thị trường trong phiên được cải thiện tương đối khi tổng giá trị giao dịch trên toàn thị trường trên 6,200 tỷ đồng.

Trong phiên chiều nay, do lực bán ở nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn đã làm thị trường rung lắc nhẹ. Đa số các cổ phiếu ngân hàng như VPB, VCB, TPB, TCB, SHB, MBB, HDB hay ACB đều đồng loạt giảm. Nhờ sự hỗ trợ từ giá dầu đã phần nào giúp cho nhóm ngành dầu khí vẫn trụ vững trong phiên đặc biệt là GAS chỉ tăng nhẹ 0.2% thì các mã như PVD (+5%), PVB (7.3%) hay PVC (7.5%) đều bứt phá rất mạnh. Ngoài ra còn các cổ phiếu đỡ chỉ số trong phiên như NVL, BID, VRE, STB...

Khối ngoại tiếp tục mua ròng lại kể từ sau phiên cơ cấu danh mục của 2 quỹ ETF vào thứ 6 ngày 21/09/2018. Trong phiên hôm nay, dòng vốn ngoại chảy vào thị trường khoảng hơn 73 tỷ đồng và chủ yếu tập trung ở sàn HSX và Upcom. Trên sàn HNX có lượng bán ròng gần 25 tỷ và tập trung vào các mã như VGC, TIG, VCS...

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG**

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ duy trì đà tăng và các chỉ số có thể sẽ tiếp tục mở rộng xu hướng tăng về gần đường trung bình 200 ngày. Đồng thời, thị trường vẫn đang trong giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tích cực, nhưng dòng tiền có sự phân hóa hơn khi dòng tiền chủ yếu tập trung ở nhóm Midcaps và Smallcaps hoặc nhóm cổ phiếu Upcom. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng nhẹ cho thấy cơ hội giải ngân mới tiếp tục xuất hiện, nhưng dư địa này càng ít dần cho thấy khả năng vượt đường trung bình 200 ngày của các chỉ số được đánh giá thấp và thị trường sẽ có sự phân hóa hơn.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức cắt lỗ của hệ thống ở mức 989.25 điểm của chỉ số VN-Index và 112.75 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn nên hạn chế mua đuổi ở các nhịp tăng và chờ mua ở nhịp điều chỉnh để tránh rủi ro T+3. Đồng thời, vị thế mua mới có thể chú ý ở các cổ phiếu trên sàn Upcom.

**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn:** 73% cổ phiếu/27% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	1,000	1,044	955	890
Chỉ số HNX-Index	<b>TĂNG</b>	<b>TĂNG</b>	120.5	126.5	110.5	103.5



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.70	TĂNG	GIẢM	17.70	17.65	0.00%	MUA		19.58		
ACB	34.00	TĂNG	GIẢM	30.96	33.02	9.82%			36.35		
ACV	87.70	TĂNG	GIẢM	84.10	82.81	4.28%			93.16		
ANV	21.40	TĂNG	TĂNG	18.90	20.28	13.23%		21.45	21.39	-0.23%	MUA
ASM	12.75	TĂNG	GIẢM	13.30	12.41	-4.14%			14.14		
BFC	27.20	GIẢM	GIẢM		27.90				28.92		
BHN	85.00	TĂNG	GIẢM	83.60	79.74	1.67%			101.13		
BID	35.00	TĂNG	TĂNG	25.80	33.26	35.66%		33.40	28.16	4.79%	
BMP	62.20	TĂNG	GIẢM	56.20	58.88	10.68%			62.30		
BSR	20.70	TĂNG	TĂNG	18.10	18.11	14.36%			19.99		
BVH	97.00	TĂNG	TĂNG	95.70	91.94	1.36%		86.00	77.87	12.79%	
BWE	18.40	TĂNG	GIẢM	17.70	17.77	3.95%			19.20		
CEO	14.20	TĂNG	GIẢM	13.40	13.02	5.97%			14.91		
CHP	22.80	GIẢM	TĂNG		23.16			23.50	22.03	-2.98%	
CSM	14.25	TĂNG	TĂNG	14.25	13.73	0.00%		14.39	12.77	-0.97%	
CTD	168.00	TĂNG	TĂNG	149.50	161.95	12.37%		161.20	142.39	4.22%	
CTG	27.80	TĂNG	GIẢM	24.00	26.63	15.83%			28.07		
CTI	26.00	GIẢM	GIẢM		27.21				31.34		
CVT	27.50	TĂNG	GIẢM	27.05	25.96	1.66%			29.20		
DCM	10.80	TĂNG	TĂNG	10.16	10.07	6.28%			10.69		
DGW	27.05	TĂNG	TĂNG	23.90	25.70	13.18%		27.50	26.51	-1.64%	MUA
DHA	29.00	TĂNG	TĂNG	28.20	27.22	2.84%			28.49		
DHC	45.20	TĂNG	TĂNG	42.35	43.42	6.73%		44.60	43.77	1.35%	MUA
DHG	97.00	TĂNG	GIẢM	95.30	93.21	1.78%			104.17		
DPG	52.50	TĂNG	TĂNG	40.90	49.96	28.36%		52.00	39.74	0.96%	
DPM	18.50	TĂNG	GIẢM	18.10	17.51	2.21%			18.72		
DPR	37.80	TĂNG	GIẢM	37.50	36.77	0.80%			38.96		
DQC	29.45	TĂNG	GIẢM	29.55	27.96	-0.34%			30.33		
DRC	27.20	TĂNG	TĂNG	25.85	26.16	5.22%		24.30	22.77	11.93%	
DXG	30.00	TĂNG	TĂNG	28.80	28.42	4.17%		29.80	29.38	0.67%	MUA
ELC	9.07	GIẢM	GIẢM		9.18				10.51		
FCN	16.50	TĂNG	TĂNG	16.45	15.62	0.30%		17.70	14.10	-6.78%	
FIT	4.22	TĂNG	GIẢM	4.27	4.05	-1.17%			4.98		
FMC	26.80	TĂNG	TĂNG	21.20	25.64	26.42%		24.70	22.11	8.50%	
FPT	45.90	TĂNG	TĂNG	44.55	44.54	3.03%		45.90	45.46	0.00%	MUA
GAS	118.00	TĂNG	TĂNG	101.50	110.26	16.26%		103.00	87.13	14.56%	
GEX	27.90	GIẢM	TĂNG		29.24			30.10	25.97	-7.31%	
GIL	39.50	GIẢM	TĂNG		40.74			34.90	33.73	13.18%	

We Create Fortune

GMD	27.15	TĂNG	TĂNG	25.40	25.93	6.89%		27.30	27.06	-0.55%	MUA
GTN	11.20	TĂNG	TĂNG	11.25	10.26	-0.44%		11.20	9.83	0.00%	
HAG	6.06	GIẢM	TĂNG		6.47			6.19	5.86	-2.10%	
HAX	17.30	TĂNG	GIẢM	16.40	16.39	5.49%			18.40		
HBC	24.40	TĂNG	GIẢM	23.80	22.98	2.52%			26.74		
HDB	38.90	TĂNG	GIẢM	38.20	37.73	1.83%			42.32		
HNG	16.00	GIẢM	TĂNG	16.70	16.44	-1.57%	BÁN	8.20	14.25	95.12%	
HPG	41.25	TĂNG	GIẢM	37.20	39.84	10.89%			42.50		
HSG	12.50	TĂNG	GIẢM	11.35	11.64	10.13%			13.04		
HT1	14.10	TĂNG	TĂNG	11.75	13.19	20.00%		13.00	11.87	8.46%	
HUT	5.90	TĂNG	GIẢM	5.80	5.05	1.72%			6.47		
HVN	41.20	TĂNG	TĂNG	41.30	38.12	-0.24%		39.20	31.92	5.10%	
ITD	11.90	GIẢM	TĂNG		12.30			12.40	11.14	-4.03%	
KBC	12.95	TĂNG	GIẢM	12.40	12.08	4.44%			13.24		
KDH	33.05	TĂNG	TĂNG	30.30	31.61	9.08%		33.40	26.95	-1.05%	
KSB	33.00	TĂNG	GIẢM	33.00	32.29	0.00%	MUA		33.01		
LCG	9.22	TĂNG	TĂNG	9.46	9.05	-2.54%		9.39	8.35	-1.81%	
LDG	16.95	TĂNG	TĂNG	15.00	15.39	13.00%		16.50	15.06	2.73%	MUA
LIX	48.00	TĂNG	TĂNG	41.20	46.85	16.50%		44.40	38.77	8.11%	
LPB	10.10	TĂNG	GIẢM	9.50	9.52	6.32%			10.88		
LSS	6.98	TĂNG	GIẢM	7.22	6.83	-3.32%			7.75		
MSN	94.40	GIẢM	TĂNG		94.90			90.60	81.25	4.19%	
MWG	126.30	TĂNG	TĂNG	122.00	122.12	3.52%		121.00	106.33	4.38%	
NKG	14.85	TĂNG	GIẢM	13.70	14.15	8.39%			15.54		
NLG	31.80	TĂNG	GIẢM	31.75	30.88	0.16%		32.40	31.83	-1.75%	MUA
NT2	26.00	TĂNG	GIẢM	25.74	25.61	1.02%			27.15		
NTL	9.79	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-5.41%		10.45	8.94	-6.32%	
NTP	51.60	TĂNG	TĂNG	51.50	46.65	0.19%		51.50	51.08	0.19%	MUA
PAC	43.60	TĂNG	TĂNG	40.20	41.62	8.46%		44.10	42.18	-1.13%	MUA
PC1	28.00	TĂNG	GIẢM	26.15	26.49	7.07%			28.42		
PDR	26.30	TĂNG	GIẢM	26.50	25.42	-0.75%			28.77		
PGC	14.20	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-1.05%			15.56		
PHR	27.00	TĂNG	TĂNG	21.90	25.35	23.29%		24.00	21.67	12.50%	
PLX	73.10	TĂNG	TĂNG	60.50	68.60	20.83%		68.00	59.54	7.50%	
PNJ	103.50	TĂNG	TĂNG	103.50	102.91	0.00%	MUA	103.90	86.95	-0.38%	
POW	16.10	TĂNG	TĂNG	13.00	14.97	23.85%		14.10	12.35	14.18%	
PPC	18.50	TĂNG	GIẢM	18.50	18.16	0.00%			19.21		
PTB	62.00	TĂNG	TĂNG	62.40	58.72	-0.64%		64.00	53.16	-3.13%	
PVD	19.90	TĂNG	TĂNG	15.75	16.84	26.35%		16.35	12.08	21.71%	
PVI	33.30	TĂNG	TĂNG	29.90	31.67	11.37%		33.00	32.96	0.91%	MUA
PVS	23.80	TĂNG	TĂNG	17.00	21.62	40.00%		20.90	17.01	13.88%	
PXS	7.15	TĂNG	TĂNG	6.17	6.26	15.88%		6.19	4.69	15.51%	
RAL	103.30	TĂNG	TĂNG	91.00	95.25	13.52%		103.60	100.14	-0.29%	MUA

We Create Fortune

REE	36.20	TĂNG	TĂNG	36.70	34.75	-1.36%		36.40	31.68	-0.55%	
SAB	219.00	TĂNG	GIẢM	208.00	216.48	5.29%			233.02		
SAM	8.00	TĂNG	TĂNG	7.16	7.73	11.73%		7.75	6.79	3.23%	
SBV	25.00	TĂNG	GIẢM	26.20	23.39	-4.58%			26.95		
SCR	9.68	TĂNG	GIẢM	9.47	9.17	2.22%			10.30		
SHI	6.13	GIẢM	TĂNG		6.24			6.99	5.88	-12.30%	
SJS	18.80	GIẢM	GIẢM		20.12				21.87		
SKG	23.90	TĂNG	TĂNG	23.70	23.55	0.84%		23.10	20.08	3.46%	
SSI	32.95	TĂNG	GIẢM	29.55	31.71	11.51%			34.19		
STB	12.65	TĂNG	GIẢM	11.20	12.13	12.95%			12.71		
SVC	42.90	GIẢM	GIẢM		43.97				48.38		
TCB	28.00	TĂNG	GIẢM	26.60	26.76	5.26%			N/A		
TCM	29.90	TĂNG	TĂNG	17.80	27.92	67.98%		21.60	21.53	38.43%	
TDH	11.75	TĂNG	GIẢM	11.75	10.91	0.00%			12.91		
TLH	7.81	TĂNG	GIẢM	7.49	7.37	4.27%			7.98		
TMT	9.00	TĂNG	TĂNG	7.60	8.95	18.42%		9.29	5.90	-3.12%	
TNG	17.70	TĂNG	TĂNG	10.80	14.61	63.89%		12.00	10.99	47.50%	
TYA	10.40	GIẢM	GIẢM		10.78				11.82		
VCB	64.40	TĂNG	GIẢM	64.00	62.58	0.63%		64.60	64.41	-0.30%	MUA
VFG	34.80	GIẢM	TĂNG		37.11			34.39	32.56	1.18%	
VGC	19.10	TĂNG	GIẢM	17.90	17.94	6.70%			21.13		
VHM	102.40	GIẢM	N/A		106.00						
VIB	29.00	TĂNG	GIẢM	27.90	27.54	3.94%			N/A		
VIC	99.50	GIẢM	TĂNG		101.62			111.50	92.44	-10.76%	
VIP	6.96	GIẢM	GIẢM		7.07				7.29		
VJC	152.10	GIẢM	TĂNG		154.02			156.00	130.21	-2.50%	
VNM	136.90	TĂNG	GIẢM	132.00	132.36	3.71%			139.87		
VPB	25.90	TĂNG	GIẢM	25.80	24.87	0.39%			30.02		
VRC	22.60	TĂNG	TĂNG	17.75	22.55	27.32%		19.35	19.68	16.80%	
VRE	39.85	TĂNG	GIẢM	39.50	37.01	0.89%			44.44		
VSC	43.25	TĂNG	TĂNG	42.90	40.87	0.82%		35.30	35.61	22.52%	
VSH	17.60	GIẢM	TĂNG		17.61			17.40	16.64	1.15%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	1,010.74	(0.05)	HNI	115.52	(0.06)	UPCoM	53.99	0.60
VN30	985.11	(0.05)	HN30	214.21	0.47			
VN Mid	1,059.54	0.69	VNX AllSh	1,422.57	0.06			
VN Small	851.27	0.62						

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	336.37		Mua	6.15		Mua	34.86	
Bán	254.00		Bán	30.62		Bán	19.50	
GT rỗng	82.37		GT rỗng	(24.47)		GT rỗng	15.36	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SJF	1500	6.88%	TV2	11900	10.00%	OIL	700	4.24%
HVG	360	6.84%	PVB	1600	7.34%	DVN	700	4.22%
PVD	950	5.01%	TNG	1200	7.27%	IDC	900	4.05%
FLC	300	4.96%	VCG	900	4.92%	BSR	800	4.02%
STK	700	4.29%	AMV	1200	4.15%	VGT	500	3.97%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
BCG	-360	-4.86%	L14	-1,300	-2.80%	CTR	-200	-0.78%
HNG	-600	-3.61%	VIX	-200	-2.47%	VIB	-200	-0.68%
ANV	-700	-3.17%	NVB	-200	-2.22%	QNS	-200	-0.51%
TNI	-300	-2.93%	SHB	-100	-1.12%	VGG	-200	-0.36%
QCG	-210	-2.45%	ACB	-300	-0.87%	HVN	-100	-0.24%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	317,566		ACB	42,404		ACV	190,934	
VHM	274,392		VCS	15,552		BSR	64,180	
VNM	238,403		PVS	10,631		MCH	54,284	
VCB	231,696		SHB	10,587		HVN	51,503	
GAS	225,846		VGC	8,563		POW	37,704	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
FLC	19.60	9.70	SHB	8.04	8.57	BSR	3.91	2.56
ASM	7.36	4.38	VCG	5.52	1.42	ART	3.58	-
IDI	6.51	2.60	HUT	5.13	1.74	OIL	2.65	0.96
HSG	6.35	4.07	PVS	4.59	6.44	POW	2.62	1.97
CTG	5.79	6.51	TIG	4.11	0.51	VGT	1.88	0.86

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

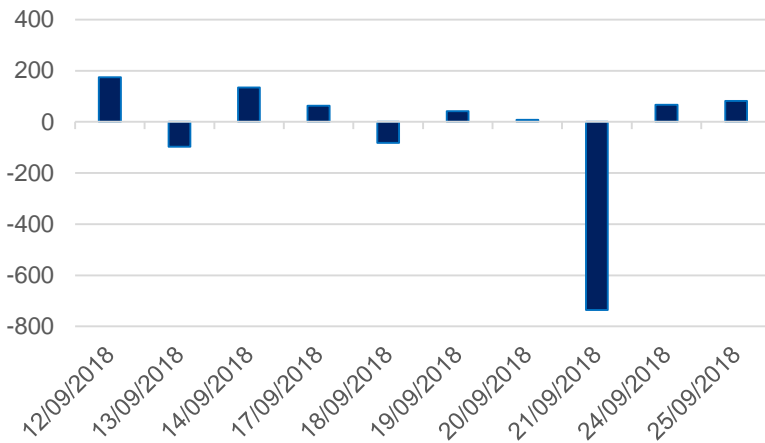
Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

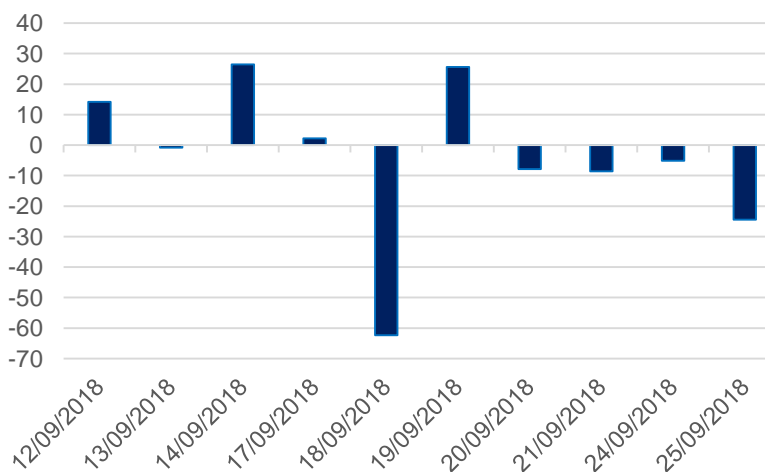
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VRE	46,223	VJC	(12,598)
HPG	13,547	DXG	(6,886)
KBC	11,245	PGC	(6,293)
BMP	10,524	DIG	(5,257)
SBT	7,627	TDH	(5,042)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

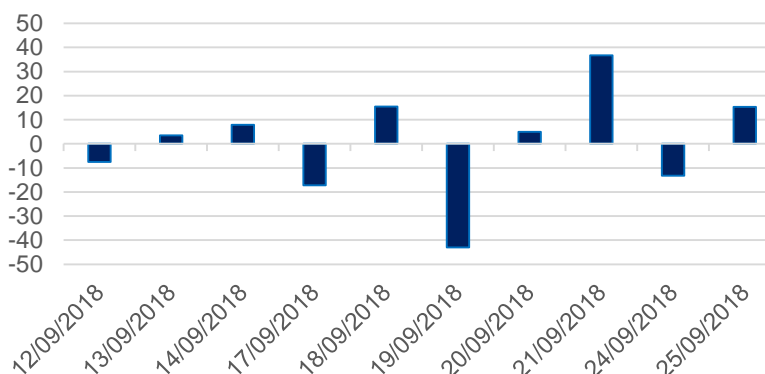
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
SHB	1,053	VGC	(13,114)
NTP	781	TIG	(8,397)
SHS	748	VCS	(2,767)
PVS	687	PVB	(1,911)
CDN	373	CEO	(1,653)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VEA	19,252	VGT	(10,474)
QNS	2,359	VGI	(2,638)
POW	1,679	MPC	(372)
HVN	1,487	SAS	(101)
ACV	937	TRS	(25)

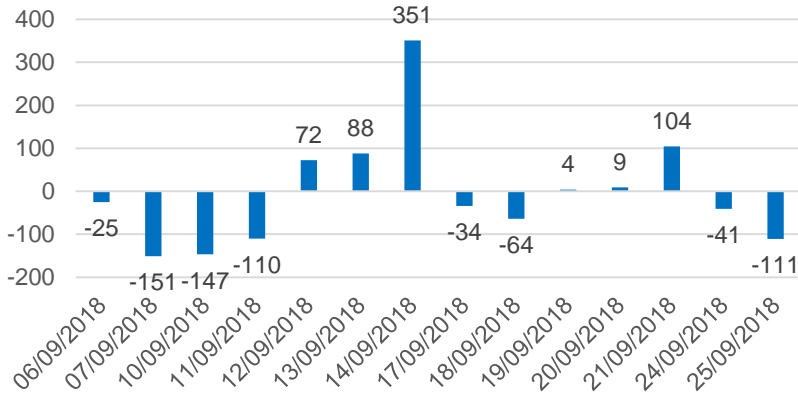
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

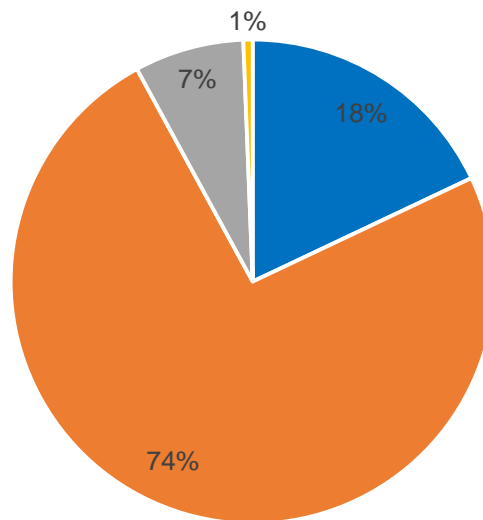


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VNĐ)
<b>NVL</b>	35,538	<b>GEX</b>	84,000
<b>MWG</b>	17,099	<b>NVL</b>	33,352
<b>HPG</b>	16,601	<b>VIC</b>	12,697
<b>CTG</b>	9,420	<b>THI</b>	6,902
<b>SSI</b>	9,406	<b>MBB</b>	3,485

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



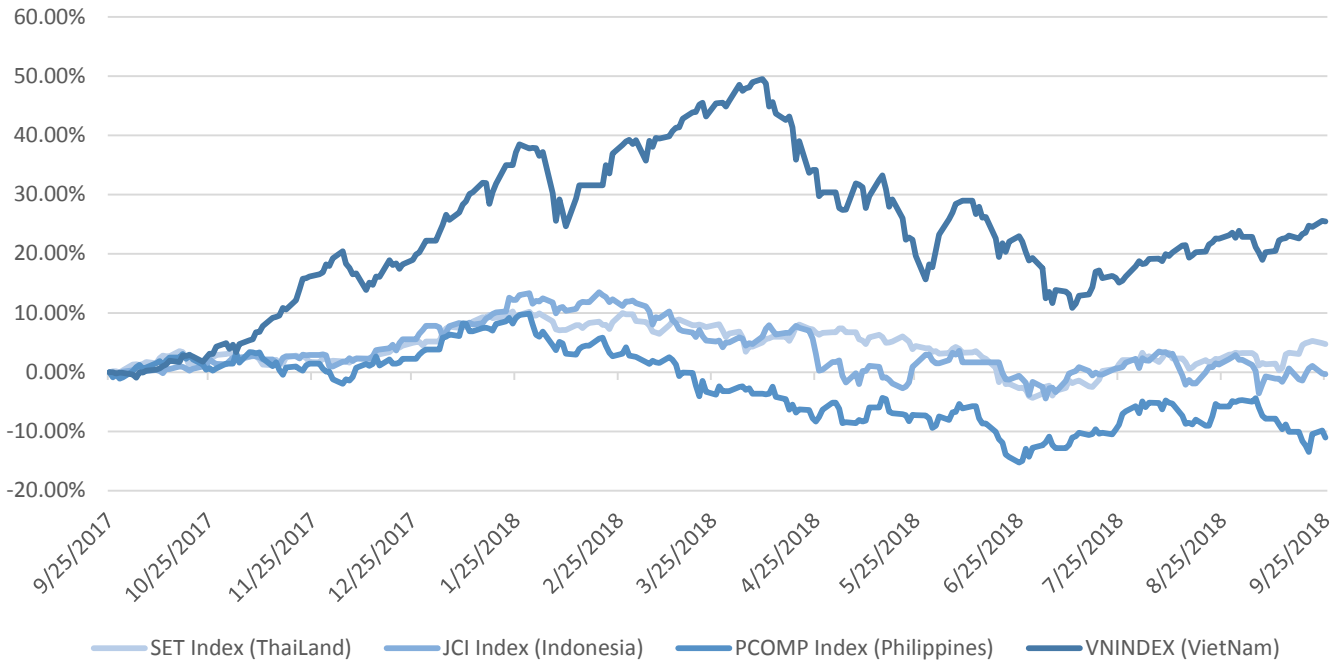
- Tổ chức nước ngoài
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức trong nước
- Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

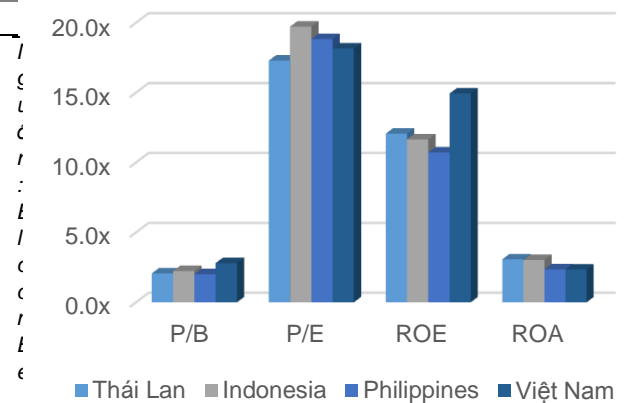
## Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.1x	2.2x	2.0x	2.8x
P/E		17.3x	19.7x	18.8x	18.2x
ROE	%	12.07	11.66	10.72	14.94
ROA	%	3.08	3.03	2.36	2.35
Vốn hóa	Tỷ USD	543.90	445.96	172.08	138.50
GTGD	Triệu USD	1.20	0.31	0.05	0.16
LS cổ tức	%	3.03	2.31	1.61	2.07

ng & Yuanta Research





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

**Quách Đức Khánh**

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

**Chung Kim Hoa**

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written